

Số: 01/2023/QĐCNHGT-DS

TP. Trà Vinh, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện
Ngân hàng N và người bị kiện bà Trần Thị T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” đề ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc
thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: **Ngân hàng N**

Trụ sở: Số 02, L H, Quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tiết Văn Th là Tổng giám đốc, đại diện
theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân
hàng N – Chi nhánh thành phố TV, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn
bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNO-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện hợp pháp tham gia phiên hòa giải: Ông **Nguyễn Hoài Th**,
là Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố TV, đại diện theo ủy
quyền của ông Ngô Văn T.

Địa chỉ: Số 70-72 L, phường 2, thành phố TV, tỉnh T;

Người bị kiện: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp L, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Văn P**, sinh năm
1964;

Địa chỉ: Ấp L, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải
viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định
tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải
ngày 15 tháng 12 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật
Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

Đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Hoài Th với người bị kiện bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn P cùng thỏa thuận thống nhất:

Bà Trần Thị T và ông Phan Văn P cùng tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N – chi nhánh thành phố TV tổng số tiền nợ gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng số: 7402-LAV-202000110 ngày 19/02/2020 tính đến ngày 15/12/2022 là: 363.017.370 đồng (*ba trăm sáu mươi ba triệu, không trăm mười bảy ngàn, ba trăm bảy mươi đồng*), trong đó:

- Tiền nợ gốc tính đến ngày 15/12/2022 là: 300.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính đến ngày 15/12/2022 là: 63.017.370 đồng.

Kể từ ngày 16/12/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị T và ông Phan Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202000110 ngày 19/02/2020 nêu trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-202000110 ngày 19/02/2020 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị T và ông Phan Văn P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi bà Trần Thị T và ông Phan Văn P thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng N – chi nhánh thành phố TV tự nguyện trả lại cho bà Trần Thị T bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 769320 do UBND thành phố T cấp ngày 10/03/2015 và giấy chứng nhận số BX 898982 do UBND thành phố T cấp ngày 29/12/2014, cấp cho bà Trần Thị T đứng tên.

Nếu trường hợp bà Trần Thị T và ông Phan Văn P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà Trần Thị T và ông Phan Văn P cùng thống nhất đồng ý cho Ngân hàng N – chi nhánh thành phố TV được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi các tài sản thế chấp mà bà T, ông P đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26/11/HĐTC/LĐ ngày 26/11/2018 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 769320 do UBND thành phố T cấp ngày 10/03/2015 và giấy chứng nhận số BX 898982 do UBND thành phố T cấp ngày 29/12/2014, cấp cho bà Trần Thị T đứng tên.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà Trần Thị T và ông Phan Văn P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này. Do người khởi kiện đã nộp tạm ứng trước, nên bà Trần Thị T và ông Phan Văn P đồng ý có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N – chi nhánh thành phố TV số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (**hai triệu đồng**).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang